TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THUỶ NGUYÊN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 50/2025/HNGĐ-ST Ngày 04-04-2025 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUỶ NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Phương.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Phạm Văn Sóng.
Bà Nguyễn Thị Lương.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Diệu Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa***: Ông Phạm Văn Tuân - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 03/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2025 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2025/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Hà Thị D, sinh năm 1995; địa chỉ: xã T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Lê Văn T, sinh năm 1984; địa chỉ: phường L, thành phố T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là chị Hà Thị D trình bày (qua đơn khởi kiện và bản tự khai)*:* Chị kết hôn với anh Lê Văn T trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lưu Kiếm, huyện Thuỷ Nguyên (nay là phường Lưu Kiếm, thành phố Thủy Nguyên), thành phố Hải Phòng ngày 20/11/2013. Quá trình chung sống, vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hoà hợp, bất đồng quan điểm sống trong sinh hoạt, làm ăn kinh tế. Chị đã bỏ về nhà bố mẹ tại

Bản Din, xã Trung Hạ, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa từ năm 2019. Vợ chồng sống ly nhân nhau kể từ đó đến nay và không còn quan tâm đến nhau nữa. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình và bạn bè khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không còn khả năng đoàn tụ nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T. Chị và anh T có 03 con chung là Lê Hà Minh Tr, sinh ngày 28/3/2015; Lê Thị Thanh H, sinh ngày 12/02/2017 và Lê Thị Thảo L, sinh ngày 27/12/2018. Ly hôn, chị đề nghị giao 03 con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng cho con do chị và anh T tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết. Chị và anh T không có tài sản chung, chị không yêu cầu Toà án giải quyết chia. Chị có đơn đề nghị xét xử vắng mặt vì lý do bận công việc.

Bị đơn là anh Lê Văn T đã được Toà án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng và Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Anh T không có quan điểm, ý kiến của mình về việc chị D đề nghị ly hôn, việc nuôi con của vợ chồng khi ly hôn. Anh T không có mặt tại các các buổi làm việc và tại phiên toà.

Thông tin tại địa phương và của người thân của anh T xác nhận quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh T đúng với nội dung trình bày của chị D; tình cảm vợ chồng giữa chị D và anh T có mâu thuẫn.

Tại phiên toà, về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Cho chị Hà Thị D ly hôn với anh Lê Văn T; giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung; chị D có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án

Chị Hà Thị D xin ly hôn với anh Lê Văn T là vụ án hôn nhân gia đình về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh T là bị đơn, cư trú tại thành phố Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng nên Tòa án nhân dân thành phố Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt nguyên đơn và bị đơn

Chị Hà Thị D là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Lê Văn T được triệu tập hợp lệ đến phiên toà lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về nội dung yêu cầu khởi kiện

[3.1] Về yêu cầu ly hôn

Chị Hà Thị D với anh Lê Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn và có đăng ký, được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chứng nhận kết hôn nên việc kết hôn giữa chị D và anh T là hợp pháp. Xuất phát từ mâu thuẫn vợ chồng, chị D và anh T đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Xác định tình cảm vợ chồng với anh T không còn, chị D yêu cầu được ly hôn với anh T. Quá trình giải quyết vụ án, anh T không có mặt tại các buổi hoà giải, buổi làm việc và phiên toà, không có quan điểm, ý kiến của mình về việc chị D đề nghị ly hôn. Qua đó thể hiện, anh T không quan tâm đến tình cảm vợ chồng và không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Điều này chứng minh hôn nhân giữa chị D và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị D ly hôn với anh T.

[3.2] Về yêu cầu người trực tiếp nuôi con khi ly hôn

Chị Hà Thị D và anh Lê Văn T có 03 con chung là Lê Hà Minh Tr, sinh ngày 28/3/2015. Lê Thị Thanh H, sinh ngày 12/02/2017 và Lê Thị Thảo L, sinh ngày 27/12/2018. Chị D đề nghị giao 03 con cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T không có ý kiến về việc nuôi con. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các con: Xét khả năng, điều kiện và hoàn cảnh của chị D, của anh T, thời gian từ khi chị D và anh T sống ly thân, anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung bình thường, ổn định; Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của chị D, giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung theo quy định tại các điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.3] Về việc cấp dưỡng cho con

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Anh T nuôi dưỡng 03 con chung. Chị D đề nghị việc cấp dưỡng cho con để chị và anh T tự thỏa thuận. Anh T hiện chưa có ý kiến về việc cấp dưỡng cho con. Do vậy, Hội đồng xét xử không buộc chị D phải cấp dưỡng cho con.

[3.4] Về việc chia tài sản chung khi ly hôn

Chị D không đề nghị; anh T không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm

Chị Hà Thị D là nguyên đơn xin ly hôn nên phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Cho chị Hà Thị D ly hôn với anh Lê Văn T.

- Giao cho anh Lê Văn T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là: Lê Hà Minh Tr, sinh ngày 28/3/2015; Lê Thị Thanh H, sinh ngày 12/02/2017 và Lê Thị Thảo L, sinh ngày 27/12/2018.

Thời gian nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Chị Hà Thị D phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp (theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010301 ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủy Nguyên), chị Hà Thị D đã nộp đủ án phí.

- Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND, VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Thuỷ Nguyên;
- Chi cục THADS TP. Thuỷ Nguyên;
- UBND phường Lưu Kiếm (GCNKH số 92 ngày 20/11/2013);
- Lưu: VT, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc Phương